

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 8 năm 2021

DANH SÁCH ĐIỂM THI

**PHẦN I.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
LỚP TCLLCT-HC HỆ KTT KHÓA 14, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ**

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Vũ Thị Quỳnh Anh	1	41	7,5	Bảy rưỡi	
2	Bùi Thị Tú Anh	2	39	7,5	Bảy rưỡi	
3	Trần Tuấn Anh	3	80	7,5	Bảy rưỡi	
4	Lê Thị Vân Anh	4	12	8,0	Tám	
5	Nguyễn Thị Thanh Bình	5	77	7,5	Bảy rưỡi	
6	Phạm Thị Châm	6	16	7,0	Bảy	
7	Trần Thị Thùy Chi	7	15	8,0	Tám	
8	Triệu Văn Chính	8	33	6,5	Sáu rưỡi	
9	Nguyễn Văn Công	9	83	6,5	Sáu rưỡi	
10	Vũ Mạnh Cường	10	82	6,5	Sáu rưỡi	
11	Hoàng Đức Dân	11	35	6,5	Sáu rưỡi	
12	Trần Văn Diện	12	65	6,5	Sáu rưỡi	
13	Đào Văn Doanh	13	47	7,0	Bảy	
14	Nguyễn Văn Dũng	14	86	7,5	Bảy rưỡi	
15	Nguyễn Văn Duy	15	66	6,5	Sáu rưỡi	
16	Chu Thị Duyên	16	05	8,0	Tám	
17	Hoàng Công Định	17	40	6,5	Sáu rưỡi	
18	Phạm Thị Định	18	22	7,0	Bảy	
19	Hoàng Văn Giang	19	74	7,0	Bảy	
20	Hoàng Mai Giang	20	68	7,5	Bảy rưỡi	
21	Chu Thị Thanh Giang	21	23	7,0	Bảy	
22	Đỗ Thị Hạnh	22	69	6,5	Sáu rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Hoàng Thị Hạnh	23	46	7,5	Bảy rưỡi	
24	Đàm Thị Hằng	24	64	8,0	Tám	
25	Nguyễn Thị Hào	25	07	7,5	Bảy rưỡi	
26	Phan Thị Hiền	26	08	7,0	Bảy	
27	Dương Thị Hiệp	27	18	7,0	Bảy	
28	Trần Trung Hiếu	28	06	8,0	Tám	
29	Lê Thị Quế Hoa	29	71	7,5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Ngọc Hoa	30	51	7,0	Bảy	
31	Nguyễn Thị Hồng	31	84	7,5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Thị Hoa Hồng	32	78	7,0	Bảy	
33	Trần Thị Huế	33	73	7,0	Bảy	
34	Đàm Thị Thu Huệ	34	42	7,5	Bảy rưỡi	
35	Nguyễn Tiến Hùng	35	26	8,0	Tám	
36	Hoàng Thị Thu Hương	36	11	8,0	Tám	
37	Lê Lan Hương	37	04	7,5	Bảy rưỡi	
38	Lương Thị Thu Hương	38	85	7,5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Thị Hương	39	27	7,0	Bảy	
40	Trần Duy Hưởng	40	81	7,0	Bảy	
41	Nguyễn Hạnh Huyền	41	25	7,0	Bảy	
42	Nguyễn Thị Huyền	42	48	6,5	Sáu rưỡi	
43	Đặng Văn Lân	43	67	7,0	Bảy	
44	Bùi Thị Hồng Lê	44	36	7,5	Bảy rưỡi	
45	Trần Thị Liên	45	60	7,0	Bảy	
46	Nguyễn Thị Hồng Linh	46	20	7,0	Bảy	
47	Nguyễn Thị Mỹ Linh	47	19	7,0	Bảy	
48	Lê Thị Ngọc Linh	48	61	7,0	Bảy	
49	Trương Thị Loan	49	32	7,0	Bảy	
50	Nguyễn Thị Triệu Loan	50	30	7,5	Bảy rưỡi	
51	Hoàng Thị Thu Loan	51	28	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
52	Dương Thị Khánh Ly	52	02	7,5	Bảy rưỡi	
53	Dương Thị Lý	53	01	8,0	Tám	
54	Lê Thị Mên	54	34	7,5	Bảy rưỡi	
55	Lê Minh	55	57	7,0	Bảy	
56	Đặng Quang Minh	56	50	7,0	Bảy	
57	Phạm Phương Nam	57	59	6,5	Sáu rưỡi	
58	Đào Thị Nga	58	62	7,5	Bảy rưỡi	
59	Đinh Thị Ngân	60	45	7,0	Bảy	
60	Lê Bảo Ngọc	61	44	6,0	Sáu	
61	Lương Thị Nhàn	62	76	7,0	Bảy	
62	Lương Thị Oanh	63	21	7,0	Bảy	
63	Nguyễn Thị Lệ Quyên	64	72	7,0	Bảy	
64	Triệu Văn Quyên	65	43	6,5	Sáu rưỡi	
65	Nông Thị Quỳnh	66	38	7,0	Bảy	
66	Tạ Quang Thắng	67	49	6,5	Sáu rưỡi	
67	Nguyễn Phương Thảo	68	09	7,0	Bảy	
68	Hà Thị Thuận	69	31	7,5	Bảy rưỡi	
69	Phan Văn Thịnh	70	10	7,0	Bảy	
70	Phạm Thị Thơ	71	63	7,0	Bảy	
71	Trần Thị Thương	72	58	7,5	Bảy rưỡi	
72	Nguyễn Phương Thùy	73	-	-	-	Vắng thi
73	Chu Thanh Thủy	74	03	7,0	Bảy	
74	Lê Thị Chung Thủy	75	56	7,0	Bảy	
75	Phạm Thị Toàn	76	37	7,5	Bảy rưỡi	
76	Đỗ Huy Trinh	77	13	7,0	Bảy	
77	Nguyễn Thị Thùy Trinh	78	29	8,0	Tám	
78	Vũ Văn Trung	79	55	7,5	Bảy rưỡi	
79	Đỗ Huy Trường	80	54	6,5	Sáu rưỡi	
80	Triệu Văn Tuấn	81	79	7,5	Bảy rưỡi	
81	Nguyễn Thị Tươi	82	75	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
82	Trần Văn Tuyên	83	14	7,0	Bảy	
83	Đào Văn Ước	84	53	7,0	Bảy	
84	Trịnh Hồng Uyên	85	70	8,0	Tám	
85	Nguyễn Hồng Vân	86	24	6,5	Sáu rưỡi	
86	Nguyễn Xuân Vinh	87	52	7,0	Bảy	
87	Trần Văn Vịnh	88	87	7,0	Bảy	
88	Dương Thị Hải Yến	89	17	7,0	Bảy	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên